

Số: 58/KH-MNXHB

Xuân Hồng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Điều chỉnh, bổ sung việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025 - 2026

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Công văn số 1092/SGDĐT ngày 09/10/2025 của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã Xuân Hồng Kế hoạch chuyển đổi số xã Xuân Hồng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 25/01/2026 của UBND xã Xuân Hồng về việc sáp nhập Trường Mầm non Xuân Thành với Trường Mầm non Xuân Hồng B thành Trường Mầm non Xuân Hồng B;

Căn cứ Kế hoạch số 51/KH-MNXHB ngày 09/02/2026 của Trường Mầm non Xuân Hồng B về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Quyết định số 57/QĐ-MNXHB ngày 11/2/2026 của Hiệu trưởng về điều chỉnh, bổ sung Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT, CDS năm học 2025-2026.

Trường Mầm non Xuân Hồng B xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) năm học 2025-2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Hiện trạng ứng dụng CNTT

1.1. Hạ tầng kỹ thuật

- Trường có 03 điểm trường đều được kết nối internet do Viettel, VNPT cung cấp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

- BGH, kế toán, thủ quỹ đều có máy tính kết nối mạng để thực hiện công việc. 25/25 nhóm lớp có tivi hoặc máy tính kết nối mạng.

- Hệ thống an ninh, an toàn: Giải pháp và các thiết bị an toàn bảo mật tại trường còn hạn chế. Dữ liệu do các cá nhân lưu trữ trên các thiết bị cá nhân chưa có giải pháp sao lưu dữ liệu hiện đại, chưa có thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến.

1.2. Hiện trạng ứng dụng CNTT

Trong những năm qua, nhà trường triển khai sử dụng hiệu quả CSDL ngành - SMAS, hệ thống NutriALL, phần mềm Phổ cập GD - XMC, các phần mềm quản lý hồ sơ.

Giáo viên sử dụng Zoom, Google Meet, Zalo, Website... tương đối tốt. Tuy nhiên năng lực số giữa các giáo viên còn chưa đồng đều.

2. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Cán bộ phụ trách CNTT tại nhà trường được bố trí kiêm nhiệm là Phó hiệu trưởng nên không có nhiều thời gian nghiên cứu, nâng cao năng lực.

Một số GV chưa sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT trong chuyên môn. Công tác đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT cho CBGV trong những năm qua chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn, kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng về CNTT chưa đáp ứng nhu cầu.

3. Công tác an toàn thông tin

Thường xuyên tuyên truyền các hướng dẫn của Bộ thông tin và Truyền thông việc cảnh báo, xử lý các loại virus, mã độc tới CBGV. Các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tại các hệ thống mạng của đơn vị được quan tâm. Tuy nhiên chi phí đầu tư, trang bị cho bảo đảm an toàn thông tin còn hạn chế, chưa có các giải pháp tổng thể, sao lưu dự phòng dữ liệu quan trọng.

4. Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân

Một số viên chức chưa thật sự nhận thức đầy đủ về quá trình chuyển đổi số, tầm quan trọng về chuyển đổi số; 100% giáo viên đứng lớp cả ngày, chưa giành được thời gian cho công tác tìm hiểu, bồi dưỡng nâng cao năng lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Một số giáo viên lớn tuổi việc sử dụng CNTT trong công tác chuyên môn bị hạn chế.

Điều kiện cơ sở vật chất (máy tính, máy chiếu, thiết bị số hóa, ...) còn thiếu và nhiều máy tính cũ, cấu hình thấp nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu chuyển đổi số.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Triển khai mạnh mẽ các ứng dụng trực tuyến, dịch vụ trực tuyến đến người dân, phụ huynh học sinh, góp phần đào tạo công dân số.

- Chuyển đổi số đến từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; xây dựng văn hoá số trong nhà trường.

- Nhà trường đạt mức độ 3 (theo bộ tiêu chí của Quyết định 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024) ở 05 nhóm tiêu chí: Triển khai ứng dụng quản trị,

nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ; Triển khai dịch vụ trực tuyến; Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

III. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025”; tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công; triển khai Học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về giáo dục

Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số bám sát theo nội dung các tiêu chí trong Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị, bám sát các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT, của UBND xã và tuân thủ theo các quy định hiện hành, phấn đấu duy trì mức độ chuyển đổi số ở mức 3. Cụ thể:

- Việc Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Quản lý thông tin trẻ em; Quản lý thông tin theo dõi SK trẻ em; Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Quản lý thông tin phổ cập giáo dục; quản trị Hệ thống CSDL ngành giáo dục liên quan đến học sinh, CBGVNV; Quản lý văn bản điện tử; Quản lý thông tin tài sản, tài chính; quản lý văn bản điện tử; phần mềm tính ăn; tổ chức hoạt động giáo dục trẻ; Phối hợp, tham gia của cha mẹ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Công tác tuyên phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ và cộng đồng;

- Việc triển khai dịch vụ trực tuyến: Dịch vụ kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng thiết bị thông minh, mạng xã hội; Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt .

- Việc phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Tỷ lệ Giáo viên sử dụng ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ trên 80%; Giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số trên 80%.

- Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Đầy đủ các thiết bị như ti vi, máy tính...cho các nhóm, lớp, phòng chức năng để phục vụ công tác quản lý; công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và hoạt động chuyên môn

- Tăng cường sử dụng các phân hệ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Sở GDĐT tại địa chỉ <https://smas.edu.vn>, 100% quản lý hồ sơ hoạt động giáo dục trên môi trường điện tử (quản lý học sinh, quản lý giáo viên, cơ sở vật chất,...):

- Sử dụng phần mềm Phổ cập giáo dục – xóa mù chữ <https://pcgd.vn/> để quản lý dữ liệu trẻ trong độ tuổi quy định; theo dõi đầy đủ thông tin trẻ từ 0–5 tuổi trong địa bàn: số trẻ sinh ra, số trẻ đến trường, số trẻ chuyển đi - chuyển đến, số trẻ trong diện PCGD mầm non 5 tuổi, giúp báo cáo chính xác cho UBND xã.

- Tuyên truyền ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số. Áp dụng các ứng dụng trên thiết bị di động để trao đổi, thông tin giữa nhà trường với phụ huynh học sinh để gửi thông báo, điểm danh, nghỉ học, phản hồi, đánh giá.

- Tăng cường ứng dụng trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt là đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo điểm trường;

- Triển khai, sử dụng có hiệu quả công thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT; triển khai hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và xóa mù chữ theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT (địa chỉ truy cập: <http://pcgd.moet.gov.vn>).

- Sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục và triển khai công tác thống kê giáo dục.

Tiếp tục triển khai, mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Sở GDĐT, kết nối với các cơ sở dữ liệu ngành của Bộ và các hệ thống khác nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục.

Triển khai hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo kế hoạch chung của ngành.

Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm và trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, đồng nhất, đúng quy trình theo, yêu cầu của UBND xã, Sở GDĐT và Bộ GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ thông tin của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GDĐT và của Bộ GDĐT. Báo cáo theo yêu cầu của UBND xã.

3. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

- Huy động đội ngũ giáo viên cốt cán tham gia hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp xây dựng, phát triển giáo án điện tử.

- Khuyến khích giáo viên xây dựng bài giảng điện tử; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung của trường, huyện, tỉnh; tham gia các diễn đàn giáo dục STEAM/STEM, các trang học liệu số được Bộ GD&ĐT giới thiệu, các nguồn tài nguyên khác trên internet đã được thẩm định chuẩn về nội dung để nâng cao năng lực ứng dụng CNTT.

- Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử: <https://www.vidu.studio>, <https://pika.art>; <https://www.bing.com/>; <https://canva.com>; <http://y2mate.com/>; <http://pixabay.com/>; <http://videovo.com/>

- Khuyến khích giáo viên xây dựng video clips giáo dục trẻ tại gia đình. Mỗi giáo viên có 01 bài giảng điện tử, ứng dụng giáo dục STEAM trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Khai thác hiệu quả phần mềm CSDL ngành, Smas, xây dựng kế hoạch; đánh giá trẻ...

4. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục

- Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu chi dịch vụ, chi trả chế độ học sinh, kết nối phần mềm quản lý tài chính của đơn vị với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

5. Triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục

- Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm, giữa năm và cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về Chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo

dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

- Cập nhật, hoàn thiện các trường thông tin một cách đầy đủ, chính xác trên hệ thống CSDL Bộ GD&ĐT (tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>) và CSDL ngành GD&ĐT Ninh Bình (tại địa chỉ <https://Smas.edu.vn>), đảm bảo phục vụ tốt công tác thống kê, báo cáo; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với CSDL quốc gia, CSDL của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Hoàn thiện việc cập nhật mã số định danh cá nhân của học sinh. Cập nhật thông tin, kết quả học tập của học sinh theo đúng thời gian quy định (hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở GD&ĐT).

6. Tuyên truyền, hướng dẫn cho đội ngũ nhà giáo thực hiện tốt Luật CNTT, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về CNTT.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được.

- Thường xuyên cập nhật, đăng tải lên cổng thông tin điện tử của đơn vị về công tác chỉ đạo của tỉnh, huyện và của ngành về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới dạy - học, kiểm tra đánh giá, dịch vụ công trực tuyến.

- Chia sẻ các hướng dẫn các khóa học trực tuyến về rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê; đôn đốc cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị khai thác các ứng dụng CNTT một cách hiệu quả.

7. Tăng cường thiết bị công nghệ, cơ sở hạ tầng internet, hệ thống làm việc trực tuyến và phần mềm phục vụ chuyển đổi số

7.1. Tăng cường thiết bị công nghệ, cơ sở hạ tầng internet

Động viên 100% viên chức nhà trường tự trang bị máy tính và smartphone để có thể sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến công nghệ thông tin trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mua sắm bổ sung máy vi tính cho các phòng học và phòng vi tính đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động vui chơi và các nội dung học tập, thi trực tuyến của giáo viên.

Các phòng học, phòng chức năng đều có tivi, máy tính phục vụ tổ chức các hoạt động cho trẻ.

Hiện tại nhà trường đang sử dụng 2 đường truyền internet có tốc độ cao. Nhà trường hiện đang ký hợp đồng với dịch vụ cung cấp internet là Viettel. Tất cả các phòng học, phòng chức năng đều có kết nối mạng có dây.

7.2. Tăng cường hệ thống làm việc trực tuyến và phần mềm phục vụ chuyển đổi số

Trang thông tin điện tử nhà trường (*trả phí hàng năm*): Phát huy hiệu quả công tác truyền thông trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Thành lập Ban truyền thông để duy trì, cập nhật tin bài. Hiện nay nhà trường đang hợp đồng với Viettel Xuân Trường để duy trì trang thông tin điện tử nhà trường <https://mnxuanthuong.ninhbinh.edu.n>

- Quản lý hồ sơ giáo viên, học sinh và theo dõi sức khỏe của học sinh trên hệ thống CSDL ngành của Bộ GD&ĐT: <https://csdl.moet.gov.vn>

- Quản lý phổ cập trên hệ thống PCGD-XMC: <http://pcgd.moet.gov.vn>

- Quản lý tài chính, tài sản trên Hệ thống phần mềm Misa; dịch vụ công <https://dvc.vst.mof.gov.vn/>

- Quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống: <https://ccvcninhbinh.gov.vn/>

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành <https://vpdntd.ninhbinh.gov.vn>

- Tính ăn bằng phần mềm Nutiul

- Khai thác nguồn học liệu điện tử, bài giảng điện tử, bài giảng E-Learning phục vụ dạy và học: **Trang điện tử:** <https://igiaoduc.vn/>

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục. Phân công lãnh đạo làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

2. Trên cơ sở Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học; tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

3. Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống CSDL đảm bảo các quy định về an toàn bảo mật thông tin; triển khai ứng dụng CNTT phải đi đôi với việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; có các hình thức khen thưởng với cá nhân làm tốt.

4. Tích cực tham gia, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, viên chức trong đơn vị: Kỹ năng quản trị, kỹ năng quản lý, xây dựng bài giảng điện tử, kỹ năng về an toàn thông tin.

5. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn thông tin, thay thế, nâng cấp thiết bị chuyên dụng CNTT, phần mềm diệt virus có bản quyền...

6. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, công tác thống kê trong nhà trường.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo

Nghiên cứu các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND xã các văn bản có liên quan đến nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để triển khai thực hiện.

Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong nhà trường và triển khai kế hoạch đến đội ngũ viên chức trong nhà trường.

Tham mưu với Ban giám hiệu các nội dung có liên quan đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

2. Cán bộ quản lý

Thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nhà trường.

Rà soát hiện trạng thiết bị công nghệ, cơ sở hạ tầng của nhà trường từ đó xây dựng kế hoạch mua sắm, nâng cấp, bổ sung.

Lựa chọn các phần mềm, hệ thống trực tuyến để triển khai trong nhà trường đảm bảo hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch tập huấn, tự bồi dưỡng và bồi dưỡng đội ngũ.

Phát động phong trào thi đua “Viên chức mầm non Xuân Hồng B thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong giảng dạy và quản trị nhà trường”.

Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Kiểm tra, giám sát, điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn và của các cá nhân.

3. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Tổ chức cho tổ chuyên môn thực hiện phong trào thi đua và thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Khai thác và sử dụng hiệu quả các ứng dụng, phần mềm đã được triển khai trong nhà trường, thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số theo nhiệm vụ được phân công và theo vị trí việc làm của các thành viên.

Động viên các thành viên trong tổ tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nhận thức, nghiệp vụ, kỹ năng ứng dụng CNTT.

Tham mưu với Ban giám hiệu các nội dung có liên quan đến ứng dụng CNTT trong giáo dục.

4. Giáo viên, nhân viên nhà trường

Tích cực tự học, tự bồi dưỡng để có thể chủ động thực hiện được các yêu cầu của việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo vị trí việc làm của bản thân.

Trên đây là Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026 của trường Mầm non Xuân Hồng B, CBGVNV trong đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- CBGVNV (để thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Duyên